

Số: 1527 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Xây dựng
BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật an ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 27/2026/TT-BXD ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TTCNTT.

BỘ TRƯỞNG**Trần Hồng Minh**

QUY CHẾ

quản lý các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Xây dựng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1527/QĐ-BXD ngày 26/8/2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc đề xuất, đánh giá, phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí; tổ chức thực hiện nhiệm vụ; theo dõi, quản lý; điều chỉnh; nghiệm thu, bàn giao; quản lý, vận hành, khai thác kết quả; đánh giá hiệu quả và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số giao tại các chương trình, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ Xây dựng.

2. Đối với các nhiệm vụ sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, việc đề xuất, đánh giá, phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, tổ chức thực hiện được thực hiện theo Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đối với các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số sử dụng vốn đầu tư công, hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác, việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn vốn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng được giao thực hiện các hoạt động chuyển đổi số tại các chương trình, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ Xây dựng.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Xây dựng có liên quan đến việc đề xuất, đánh giá, phê duyệt chủ trương, thẩm định, quản lý, khai thác, vận hành và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động chuyển đổi số* là các hoạt động được quy định tại Điều 4 của Luật Chuyển đổi số.

2. *Nhiệm vụ chuyển đổi số* là các nhiệm vụ cụ thể thuộc hoạt động chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền giao tại các chương trình, kế hoạch, quyết định.

3. *Cơ quan chủ quản dữ liệu* là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng được cấp có thẩm quyền giao thực hiện vai trò chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ quản dữ liệu theo quy định của Luật Dữ liệu và pháp luật có liên quan.

4. *Chủ đầu tư* là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng được giao chủ trì tổ chức xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số; thực hiện các thủ tục đầu tư; lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý hợp đồng; tổ chức kiểm thử, nghiệm thu, bàn giao, thanh toán, quyết toán theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ đầu tư không đồng thời là cơ quan chủ quản dữ liệu, đơn vị này thực hiện một phần công việc của chủ quản dữ liệu liên quan đến giải pháp kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc hệ thống; khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; yêu cầu bảo đảm an ninh mạng và an ninh dữ liệu theo quy định.

5. *Đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số* là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì tổ chức thuê dịch vụ công nghệ số và thực hiện trách nhiệm của đơn vị chủ trì thuê theo quy định của pháp luật và Quy chế này. Trường hợp đơn vị chủ trì thuê dịch vụ không đồng thời là cơ quan chủ quản dữ liệu, đơn vị này thực hiện một phần công việc của chủ quản dữ liệu liên quan đến giải pháp kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc hệ thống; khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; yêu cầu bảo đảm an ninh mạng và an ninh dữ liệu theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Nhiệm vụ chuyển đổi số phải phù hợp với chủ trương, chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Đảng, Nhà nước và của Bộ Xây dựng; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cải cách hành chính, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số trong ngành Xây dựng.

2. Việc đề xuất, đánh giá, phê duyệt chủ trương, tổ chức thực hiện và quản lý nhiệm vụ chuyển đổi số phải tuân thủ quy định của Luật Chuyển đổi số, các văn bản hướng dẫn thi hành, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và các cơ quan, đơn vị phối hợp trong từng giai đoạn thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên kế thừa, khai thác, sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số, cơ sở dữ liệu, phần mềm, dịch vụ và các kết quả chuyển đổi số đã được đầu tư; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu, tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo.

5. Các sản phẩm, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu sau khi hoàn thành phải được tổ chức khai thác, sử dụng, quản lý, vận hành, duy trì và cập nhật; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống và khả năng kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Yêu cầu bảo đảm an ninh mạng hệ thống thông tin theo cấp độ phải được xác định và xem xét ngay từ giai đoạn thiết kế và thực hiện trong suốt vòng đời hệ thống theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

Điều 5. Xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số

1. Căn cứ chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số quốc gia, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, yêu cầu chuyển đổi số của ngành Xây dựng, Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tham mưu xây dựng, trình Bộ Xây dựng ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn và hằng năm của Bộ Xây dựng.

2. Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số phải xác định cụ thể mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, sản phẩm hoặc kết quả đầu ra, nguồn lực thực hiện và cơ chế theo dõi, đánh giá.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Bộ; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Bộ Xây dựng và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẢ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI

Điều 6. Tổ chức triển khai

1. Nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số đã đủ điều kiện triển khai là các nhiệm vụ, hoạt động đã được cấp có thẩm quyền giao tại chiến lược, chương trình, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và có đủ điều kiện, nguồn lực để tổ chức thực hiện mà không phải đề xuất bố trí kinh phí, bao gồm trường hợp sử dụng nhân lực, hạ tầng, hệ thống và các nguồn lực hiện có của cơ quan, đơn vị để thực hiện.

2. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì các nhiệm vụ chuyển đổi số chủ động xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức thực hiện; xác định cụ thể các công việc, tiến độ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận có liên quan, bảo đảm nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số có trách nhiệm phân công một lãnh đạo đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện và bộ phận đầu mối triển khai, tổng hợp báo cáo nhiệm vụ.

4. Đối với nhiệm vụ chuyển đổi số có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng kỹ thuật, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì có trách nhiệm lấy ý kiến Trung tâm Công nghệ thông tin về các nội dung kỹ thuật trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm phù hợp với kiến trúc Chính phủ số của Bộ, khung kiến trúc dữ liệu của Bộ; bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của Bộ và đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo quy định. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm xem xét, có ý kiến trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ xin ý kiến.

5. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện theo yêu cầu được giao. Chủ động hoặc theo yêu cầu báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ về Bộ Xây dựng.

Chương III

ĐỀ XUẤT, ĐÁNH GIÁ, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THUỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số

1. Hằng năm hoặc theo yêu cầu quản lý, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Bộ và nhu cầu thực tiễn để đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số.

2. Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số gồm:

a) Văn bản đề xuất của cơ quan, đơn vị;

b) Thuyết minh nhiệm vụ, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- Tên nhiệm vụ;
- Sự cần thiết và căn cứ đề xuất;
- Mục tiêu;
- Phạm vi và đối tượng thực hiện;
- Hình thức thực hiện nhiệm vụ;
- Nội dung chủ yếu;
- Sản phẩm, kết quả dự kiến;
- Thời gian thực hiện;
- Dự kiến kinh phí, nguồn kinh phí và căn cứ xác định dự kiến kinh phí theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Hiệu quả dự kiến;
- Khả năng kế thừa, sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin hiện có;
- Phương án quản lý, vận hành, khai thác, duy trì sau khi hoàn thành (đối với nhiệm vụ hình thành hệ thống thông tin, nền tảng số hoặc cơ sở dữ liệu).

Nội dung đề xuất về hình thức thực hiện (mua sắm, thuê dịch vụ) phải phân tích, so sánh về hiệu quả kinh tế, yêu cầu chuyên môn, khả năng đáp ứng của hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn lực hiện có, khả năng quản lý, vận hành, duy trì và các yếu tố có liên quan làm cơ sở lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp, hiệu quả.

3. Trường hợp cơ quan đề xuất không phải là cơ quan chủ quản dữ liệu thì cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến của cơ quan chủ quản dữ liệu về nội dung đề xuất.

4. Đơn vị đề xuất chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về sự cần thiết, tính chính xác, tính đầy đủ của hồ sơ, tính khả thi của nhiệm vụ và dự kiến kinh phí đề xuất.

Điều 8. Tiếp nhận và rà soát hồ sơ đề xuất

1. Trung tâm Công nghệ thông tin là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;
- b) Rà soát sự phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Bộ;
- c) Đánh giá sơ bộ khả năng kế thừa, sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin hiện có; khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu; nguy cơ trùng lặp với các nhiệm vụ đang triển khai hoặc đã hoàn thành;
- d) Đề nghị đơn vị đề xuất bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu cần thiết.

Thời gian rà soát hồ sơ đề xuất tối đa 07 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ của đơn vị.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đáp ứng yêu cầu, đơn vị đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện theo yêu cầu của Trung tâm Công nghệ thông tin.

Điều 9. Đánh giá hồ sơ đề xuất

1. Bộ trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số.

a) Thành phần Hội đồng bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Trung tâm Công nghệ thông tin.
- Đại diện Vụ Kế hoạch – Tài chính.
- Đại diện cơ quan chủ quản dữ liệu.
- Đại diện các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan.
- Thư ký Hội đồng: cán bộ của Trung tâm Công nghệ thông tin.

b) Thành viên Hội đồng không tham gia đánh giá đối với nhiệm vụ do cơ quan, đơn vị mình trực tiếp đề xuất, trừ việc tham gia cung cấp thông tin, giải trình theo yêu cầu của Hội đồng.

2. Hội đồng xem xét, đánh giá hồ sơ theo các nội dung chủ yếu sau:

- a) Sự cần thiết và căn cứ đề xuất;

- b) Sự phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Bộ;
- c) Phạm vi, mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến;
- d) Tính khả thi về kỹ thuật, công nghệ và tổ chức thực hiện;

đ) Khả năng sử dụng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm không trùng lặp với các nhiệm vụ đã và đang triển khai;

e) Sự phù hợp về nguồn vốn, dự kiến kinh phí, hình thức thực hiện và thời gian thực hiện.

3. Thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất thông qua phiếu đánh giá. Kết quả đánh giá của Hội đồng được lập thành Biên bản đánh giá là căn cứ để Trung tâm Công nghệ thông tin tổng hợp, trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định. Các nhiệm vụ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm nguyên tắc:

- Nhóm ưu tiên 1: Các nhiệm vụ duy trì, vận hành, bảo đảm an ninh an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hạ tầng công nghệ số; Các nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước.

- Nhóm ưu tiên 2: Các nhiệm vụ, hoạt động triển khai các Nghị quyết số 57-NQ/TW; nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo Trung ương giao; nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng giao.

- Nhóm ưu tiên 3: Các nhiệm vụ chuyển đổi số khác.

4. Các cơ quan, đơn vị đề xuất nhiệm vụ tiếp thu, báo cáo giải trình, hoàn thiện hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Hội đồng trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc.

Điều 10. Phê duyệt, điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí các nhiệm vụ chuyển đổi số

1. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá, báo cáo tiếp thu giải trình của đơn vị đề xuất (nếu có), văn bản tham gia ý kiến của cơ quan chủ quản dữ liệu (nếu có), Trung tâm Công nghệ thông tin dự thảo Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí các nhiệm vụ Chuyển đổi số gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính cho ý kiến.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có ý kiến bằng văn bản về nguồn kinh phí, khả năng cân đối, bố trí kinh phí, sự phù hợp với kế hoạch tài chính, đầu tư của Bộ và các nội dung khác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Thời gian có văn bản cho ý kiến tối đa 05 ngày làm việc.

3. Trên cơ sở ý kiến của Vụ Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Thứ trưởng chỉ đạo, phụ trách lĩnh vực chuyên môn xem xét, phê duyệt đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số xem xét, phê duyệt đối với các nhiệm vụ xây dựng, phát triển, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số

dùng chung của Bộ. Trường hợp nhiệm vụ thuộc phạm vi phụ trách của nhiều Thứ trưởng, thực hiện theo phân công của Bộ trưởng.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổng hợp, tham mưu Bộ Xây dựng văn bản đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ Xây dựng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính xem xét bố trí kinh phí theo quy định.

5. Điều chỉnh chủ trương các nhiệm vụ chuyển đổi số.

a) Cơ quan, đơn vị đề xuất điều chỉnh lập hồ sơ, nêu rõ lý do, nội dung và sự cần thiết điều chỉnh, xin ý kiến cơ quan chủ quản dữ liệu (nếu có), gửi Trung tâm Công nghệ thông tin.

b) Trung tâm Công nghệ thông tin rà soát, gửi xin ý kiến Vụ Kế hoạch - Tài chính về nội dung đề xuất điều chỉnh; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương. Trường hợp cần thiết, Trung tâm Công nghệ thông tin tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá để xem xét, đánh giá trước khi trình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ SỬ DỤNG KINH PHÍ CHI THUỜNG XUYÊN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 11. Phân loại hoạt động chuyển đổi số và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sau khi được giao kinh phí

1. Sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán kinh phí, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng kinh phí có trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ theo thẩm quyền, phân cấp quy định tại Thông tư số 27/2026/TT-BXD ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ tính chất, nội dung của nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí xác định hình thức tổ chức thực hiện theo Điều 65 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP như sau:

a) Đối với nhiệm vụ thuộc trường hợp không phải lập dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số, tổ chức mua sắm, thuê dịch vụ và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

b) Đối với nhiệm vụ thuộc trường hợp thực hiện theo hình thức dự án chuyển đổi số, việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án thực hiện theo Điều 66 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và Điều 12 Quy chế này;

c) Đối với nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ số phải lập kế hoạch thuê, việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thuê thực hiện theo Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và Điều 13 Quy chế này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện dự án chuyển đổi số

1. Đối với nhiệm vụ được xác định thực hiện theo hình thức dự án chuyển đổi số theo Điều 65 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP (sau đây gọi là dự án chuyển đổi số sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước), đơn vị được cấp có thẩm quyền giao làm chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai dự án theo trình tự quy định tại Điều 66 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và theo phân cấp tại Thông tư số 27/2026/TT-BXD và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Lập dự án

a) Trường hợp dự án có xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác định và chịu trách nhiệm về mục tiêu, phạm vi, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu chức năng, dữ liệu chuyên ngành, đối tượng sử dụng và kết quả cần đạt được.

b) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập, phê duyệt kinh phí thuê tư vấn lập dự án (như tư vấn lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra, thẩm định giá, đấu thầu và kinh phí khác có liên quan).

c) Chủ đầu tư tổ chức khảo sát (nếu có), lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế, hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và dự toán theo quy định; chịu trách nhiệm về phạm vi đầu tư, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc hệ thống, chi phí và tính đầy đủ, hợp pháp của hồ sơ.

3. Thẩm định và phê duyệt dự án

a) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của các đơn vị thuộc Bộ

- Đơn vị được giao thẩm quyền phê duyệt tổ chức hoàn thiện hồ sơ, thẩm định, phê duyệt dự án theo thẩm quyền được phân cấp.

- Đối với dự án xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hệ thống, giải pháp bảo vệ an ninh mạng, đơn vị được giao thẩm quyền phê duyệt xin ý kiến của Trung tâm Công nghệ thông tin về sự phù hợp với kiến trúc Chính phủ số của Bộ, khung kiến trúc dữ liệu của Bộ; yêu cầu về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc.

b) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Xây dựng

- Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng là cơ quan chuyên môn chủ trì tổ chức thẩm định dự án, tham mưu Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng thẩm định theo các quy định tại Điều 66 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.

Thành phần của Hội đồng thẩm định bao gồm:

- + Lãnh đạo Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng là Chủ tịch Hội đồng;
- + Đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- + Đại diện Trung tâm Công nghệ thông tin;
- + Đại diện cơ quan chủ quản dữ liệu;
- + Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan;
- + Chuyên gia hoặc đại diện cơ quan có chuyên môn (nếu cần thiết);
- + Thư ký Hội đồng: cán bộ của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng.

- Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết và gửi báo cáo kết quả thẩm định cho cơ quan thẩm định dự án. Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là Chủ đầu tư, Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng tham mưu Bộ Xây dựng bổ sung nhiệm vụ Hội đồng thẩm định dự án thực hiện trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết.

- Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đề trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định phê duyệt dự án.

4. Lựa chọn nhà thầu và triển khai dự án

a) Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý hợp đồng; quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí và tổ chức triển khai dự án theo quy định; chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện dự án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

b) Trường hợp dự án có xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu phối hợp rà soát, xác nhận các yêu cầu nghiệp vụ; cung cấp, chuẩn hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; tham gia làm rõ yêu cầu đối với nhà thầu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến nghiệp vụ trong quá trình thực hiện.

5. Kiểm thử, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng

a) Chủ đầu tư tổ chức kiểm thử kỹ thuật, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, thanh toán, quyết toán và thực hiện các thủ tục kết thúc dự án theo quy định; chịu trách nhiệm về chất lượng kỹ thuật và việc đáp ứng các yêu cầu của dự án đã được phê duyệt;

b) Trường hợp dự án có xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu tham gia kiểm thử; xác nhận việc hệ thống đáp ứng yêu cầu, quy trình nghiệp vụ, chức năng và dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trước khi đưa hệ thống vào khai thác, sử dụng.

6. Điều chỉnh và dừng dự án

Việc điều chỉnh dự án chuyển đổi số và dừng thực hiện dự án được thực hiện theo các quy định tại Điều 66 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Tổ chức thực hiện thuê dịch vụ công nghệ số

1. Việc thuê dịch vụ công nghệ số sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước được thực hiện theo Điều 65, Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp của Bộ Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Lập kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số

a) Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ số xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác định và chịu trách nhiệm về mục tiêu, phạm vi, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu chức năng, dữ liệu chuyên ngành, đối tượng sử dụng và chất lượng dịch vụ, làm cơ sở thuê dịch vụ công nghệ số.

b) Đối với các kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, đơn vị chủ trì thuê có trách nhiệm lập, phê duyệt kinh phí thuê tư vấn lập kế hoạch thuê (như tư vấn lập kế hoạch thuê, tư vấn thẩm tra, thẩm định giá và kinh phí khác có liên quan).

c) Đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số tổ chức lập Kế hoạch thuê theo quy định tại Điều 65, Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số

a) Đối với các kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số thuộc thẩm quyền phê duyệt của các đơn vị thuộc Bộ

- Đơn vị được giao thẩm quyền phê duyệt rà soát kế hoạch thuê, tổ chức thẩm định, trình, phê duyệt kế hoạch thuê theo thẩm quyền được phân cấp.

- Đối với kế hoạch thuê dịch vụ số về xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hệ thống, giải pháp bảo đảm an ninh mạng, đơn vị được giao thẩm quyền phê duyệt xin ý kiến của Trung tâm Công nghệ thông tin về sự phù hợp với kiến trúc Chính phủ số của Bộ, khung kiến trúc dữ liệu của Bộ; yêu cầu về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc.

b) Đối với các kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Xây dựng:

- Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng là cơ quan chuyên môn chủ trì tổ chức thẩm định kế hoạch thuê, tham mưu Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng thẩm định theo các quy định tại Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.

Thành phần của Hội đồng thẩm định bao gồm:

+ Lãnh đạo Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng là Chủ tịch Hội đồng;

- + Đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- + Đại diện Trung tâm Công nghệ thông tin;
- + Đại diện cơ quan chủ quản dữ liệu;
- + Đại diện cơ quan, đơn vị có liên quan;
- + Chuyên gia hoặc đại diện cơ quan có chuyên môn (nếu cần thiết);
- + Thư ký Hội đồng: cán bộ của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng.

- Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị thẩm định nội dung quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và gửi báo cáo kết quả thẩm định cho cơ quan thẩm định kế hoạch thuê. Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là cơ quan chủ trì thuê, Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng tham mưu Bộ Xây dựng bổ sung nhiệm vụ Hội đồng thẩm định dự án thực hiện trách nhiệm thẩm định nội dung quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.

- Căn cứ ý kiến thẩm định, đơn vị chủ trì thuê hoàn chỉnh kế hoạch thuê đề trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định phê duyệt.

4. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ số

a) Đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý hợp đồng; quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí và tổ chức triển khai theo quy định; chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện kế hoạch thuê trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số.

b) Trường hợp thuê dịch vụ công nghệ số xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu phối hợp rà soát, xác nhận các yêu cầu nghiệp vụ; cung cấp, chuẩn hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; tham gia làm rõ yêu cầu đối với nhà thầu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến nghiệp vụ trong quá trình thực hiện.

5. Nghiệm thu dịch vụ công nghệ số

a) Trường hợp thuê dịch vụ xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì xác nhận dịch vụ công nghệ số đáp ứng yêu cầu mục tiêu, phạm vi, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu chức năng, đối tượng sử dụng và chất lượng dịch vụ.

b) Đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số chịu trách nhiệm tổ chức vận hành thử, giám sát chất lượng và nghiệm thu kết quả cung cấp dịch vụ.

6. Hằng năm hoặc theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê, đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số phối hợp cơ quan chủ quản dữ liệu (nếu có) đánh giá chất lượng dịch vụ công nghệ số, làm cơ sở thanh toán, nghiệm thu dịch vụ công nghệ số.

7. Trước khi kết thúc thời gian thuê, đơn vị chủ trì thuê dịch vụ công nghệ số phối hợp cơ quan chủ quản dữ liệu (nếu có) tổ chức đánh giá chất lượng, hiệu

quả sử dụng và nhu cầu tiếp tục thuê; thực hiện việc tiếp nhận, chuyển giao dữ liệu, tài liệu và các sản phẩm thuộc quyền quản lý, sử dụng theo hợp đồng và quy định của pháp luật; trường hợp có nhu cầu tiếp tục thuê, chủ động lập kế hoạch và đề xuất kinh phí bảo đảm duy trì liên tục hoạt động.

8. Điều chỉnh và dừng thuê dịch vụ công nghệ số

Việc điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số và dừng thực hiện kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số được thực hiện theo các quy định tại Điều 67 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, DUY TRÌ, KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU, NỀN TẢNG SỐ

Điều 14. Quản lý, vận hành, duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số sau khi đưa vào sử dụng phải được quản lý, vận hành, duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công theo quy định tại Điều 60 Nghị định 224/2026/NĐ-CP.

2. Cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao quản lý, vận hành, duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số có trách nhiệm xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về tạo lập, cập nhật, quản trị, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu của hệ thống theo quy định.

3. Cơ quan được giao quản lý, vận hành, duy trì hệ thống có trách nhiệm: Lập kế hoạch vận hành, duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số theo giai đoạn hoặc hằng năm phù hợp với yêu cầu khai thác, sử dụng, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của hệ thống. Đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bàn giao, tiếp nhận hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số để quản lý, vận hành

1. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ nguồn lực, nhân lực hoặc năng lực chuyên môn để trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống sau khi hoàn thành nghiệm thu, đơn vị có trách nhiệm chủ động đề xuất phương án tổ chức quản lý, vận hành phù hợp; có thể thuê tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, giao cơ quan khác thuộc Bộ có đủ năng lực chuyên môn quản lý, vận hành hệ thống.

2. Trường hợp hệ thống được giao cho cơ quan khác thuộc Bộ tiếp nhận quản trị, vận hành, việc bàn giao, tiếp nhận phải thực hiện theo các điều kiện, trình tự và trách nhiệm quy định tại Điều này:

a) Trước khi bàn giao hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số cho cơ quan, đơn vị khác quản lý, vận hành, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc nghiệm thu và các thủ tục có liên quan theo quy định; bảo đảm hệ thống đáp ứng yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các yêu cầu khác theo hồ sơ, thiết kế, nhiệm vụ được phê duyệt và quy định của pháp luật.

b) Việc bàn giao, tiếp nhận phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá hiện trạng hệ thống và có biên bản bàn giao, tiếp nhận giữa các bên. Nội dung bàn giao phải xác định hiện trạng hệ thống; phạm vi và thành phần được bàn giao; dữ liệu; tài liệu kỹ thuật, tài liệu quản trị, vận hành; tài khoản quản trị; mã nguồn và các sản phẩm thuộc phạm vi phải bàn giao; tình trạng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; tình trạng đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng; các tồn tại, hạn chế và trách nhiệm xử lý của các bên.

c) Trường hợp qua đánh giá, hệ thống chưa đáp ứng các yêu cầu về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng hoặc chưa đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết để quản trị, vận hành, cơ quan được giao quản lý, vận hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và đề nghị chủ đầu tư khắc phục, hoàn thiện trước khi tiếp nhận chính thức. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức khắc phục, hoàn thiện các nội dung thuộc phạm vi nhiệm vụ, dự án, kế hoạch thuê đã được phê duyệt hoặc đề xuất phương án xử lý, khắc phục, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Sau khi tiếp nhận, cơ quan được giao quản lý, vận hành hệ thống chịu trách nhiệm quản trị, vận hành kỹ thuật, duy trì hoạt động và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh mạng thuộc phạm vi trách nhiệm được giao. Việc tiếp nhận hệ thống để quản trị, vận hành không bao gồm chuyển giao trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu đối với tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, chất lượng, việc tạo lập, cập nhật, quản trị, khai thác và chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

e) Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành trong quá trình vận hành hệ thống; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các vấn đề về nghiệp vụ và dữ liệu. Trường hợp phát sinh yêu cầu thay đổi, bổ sung chức năng hoặc dữ liệu vượt ngoài phạm vi hệ thống đã được bàn giao, cơ quan chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp các bên đánh giá, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 16. Quản lý, cập nhật và khai thác dữ liệu

1. Cơ quan chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm tổ chức quản trị, tạo lập, thu thập, cập nhật, chuẩn hóa, duy trì chất lượng, bảo vệ, khai thác và chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi được giao quản lý; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đối với từng nhóm dữ liệu và bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống theo quy định.

2. Việc quản lý dữ liệu phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin thuộc phạm vi quản lý;
- b) Có nguồn gốc rõ ràng, bảo đảm khả năng truy xuất, kiểm chứng và kiểm soát lịch sử cập nhật dữ liệu;
- c) Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, mô hình dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung và các quy định về quản lý dữ liệu của Bộ;
- d) Bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa các hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật;
- đ) Được cập nhật, chuẩn hóa, đồng bộ và duy trì thường xuyên nhằm bảo đảm chất lượng dữ liệu trong suốt quá trình khai thác, sử dụng.

3. Việc khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

4. Việc quản lý, vận hành, cập nhật dữ liệu và khai thác phải được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm bảo đảm phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

5. Dữ liệu được hình thành từ các nhiệm vụ chuyển đổi số được quản lý tại cơ sở dữ liệu nguồn. Việc kết nối, chia sẻ, đồng bộ với kho dữ liệu dùng chung của Bộ được thực hiện theo kiến trúc Chính phủ số, khung kiến trúc dữ liệu của Bộ và yêu cầu quản lý, bảo đảm quản lý tập trung, tránh trùng lặp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 17. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin

1. Là đơn vị đầu mối tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý thống nhất các nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

2. Chủ trì xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Xây dựng; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng hồ sơ đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số; tham mưu tổ chức đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương, dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo Quy chế này.

3. Tham gia thẩm định và có ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với dự án chuyển đổi số, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số.

4. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai các hoạt động chuyển đổi số của Bộ Xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Tổ chức kiểm tra, đánh giá đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hạ tầng số do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ triển khai về việc tuân thủ kiến trúc Chính phủ số, khung kiến trúc dữ liệu của Bộ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; yêu cầu, tiêu chuẩn an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật khác theo quy định.

6. Chủ trì xây dựng, hướng dẫn và cập nhật các biểu mẫu phục vụ đề xuất, đánh giá, theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của Bộ, bảo đảm thống nhất trong quá trình thực hiện Quy chế.

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ trong việc tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số vào dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật.

2. Cử cán bộ tham gia Hội đồng đánh giá đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số. Có ý kiến về nguồn kinh phí, khả năng cân đối, bố trí kinh phí, sự phù hợp với kế hoạch tài chính, đầu tư của Bộ đối với danh mục Quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí nhiệm vụ chuyển đổi số.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì theo dõi tình hình bố trí, sử dụng và giải ngân kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng

Chủ trì tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án chuyển đổi số và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Xây dựng.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản dữ liệu

1. Chủ động đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý. Phân công lãnh đạo đơn vị và đầu mối của đơn vị phụ trách đối với từng nhiệm vụ chuyển đổi số.

2. Chịu trách nhiệm về mục tiêu, phạm vi, quy trình nghiệp vụ, yêu cầu chức năng, dữ liệu chuyên ngành, đối tượng sử dụng và kết quả cần đạt được làm cơ sở đầu tư, nâng cấp, mở rộng, thuê dịch vụ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số.

3. Tham gia kiểm thử, nghiệm thu, xác nhận hệ thống đáp ứng yêu cầu, quy trình nghiệp vụ, chức năng và dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý trước khi đưa hệ thống vào khai thác, sử dụng.

4. Ban hành hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về tạo lập, cập nhật, quản trị, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện hành lang pháp

lý cho việc tạo lập dữ liệu trên các hệ thống thông tin, nền tảng số.

5. Khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số sau khi hoàn thành phục vụ công tác quản lý nhà nước của đơn vị. Chủ trì tham mưu tổ chức cập nhật, chuẩn hóa, khai thác, quản lý dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, mốc tiến độ thực hiện, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, chất lượng, hiệu quả, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ đầu tư, đơn vị chủ trì thuê

1. Tổ chức thực hiện dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số theo nhiệm vụ, thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm về giải pháp kỹ thuật, công nghệ, kiến trúc hệ thống; khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an ninh mạng và tiêu chuẩn kỹ thuật của hệ thống thuộc phạm vi dự án, kế hoạch thuê và nhiệm vụ được giao.

3. Chủ trì thực hiện các thủ tục đầu tư, thuê dịch vụ, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý hợp đồng; tổ chức kiểm thử, nghiệm thu, bàn giao, thanh toán, quyết toán theo quy định.

4. Phối hợp với cơ quan chủ quản dữ liệu trong việc xác định, hoàn thiện yêu cầu nghiệp vụ, chức năng và dữ liệu; bảo đảm giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và khai thác, sử dụng.

5. Tổ chức bàn giao đầy đủ hệ thống, dữ liệu, tài liệu kỹ thuật, tài khoản quản trị, mã nguồn và các sản phẩm khác thuộc phạm vi phải bàn giao theo dự án, hợp đồng và quy định của pháp luật cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý, vận hành.

Điều 22. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

1. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc quản lý, tổ chức thực hiện và kết quả các nhiệm vụ, hoạt động chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý được giao.

3. Phân công lãnh đạo phụ trách và bộ phận hoặc cá nhân làm đầu mối theo dõi, phối hợp triển khai, cung cấp thông tin, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

4. Bố trí nhân lực, kinh phí, điều kiện cần thiết để duy trì, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số sau khi được đưa vào sử dụng.

Điều 23. Trách nhiệm của các Thứ trưởng

1. Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyển đổi số có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch, danh mục nhiệm vụ

chuyển đổi số; chỉ đạo việc tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số của Bộ.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động chuyển đổi số của Bộ.

c) Xem xét, phê duyệt chủ trương hoặc quyết định các dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số đối với các hệ thống công nghệ thông tin dùng chung của Bộ Xây dựng.

2. Thứ trưởng chỉ đạo, phụ trách lĩnh vực chuyên môn, đơn vị có trách nhiệm:

a) Theo phân công của Bộ trưởng, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ và hoạt động chuyển đổi số thuộc lĩnh vực chuyên môn, đơn vị được giao phụ trách; chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

b) Xem xét, phê duyệt chủ trương hoặc quyết định các dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số và các nhiệm vụ, nội dung liên quan đến chuyển đổi số thuộc lĩnh vực, đơn vị được giao phụ trách theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo cơ quan chủ quản dữ liệu thuộc lĩnh vực chuyên môn phụ trách thực hiện việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu, bảo đảm chất lượng, kết nối, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp nhiệm vụ chuyển đổi số liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý, Bộ trưởng phân công một Thứ trưởng chủ trì triển khai chung, các Thứ trưởng có liên quan chỉ đạo nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, đơn vị phụ trách. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền hoặc còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

1. Các nhiệm vụ, dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ số đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan; không phải thực hiện lại các trình tự, thủ tục đã hoàn thành theo Quy chế này. Các nội dung phát sinh sau ngày Quy chế có hiệu lực được thực hiện theo Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, cơ quan, đơn vị chủ trì có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý khó khăn, vướng mắc theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao. Trường hợp vượt thẩm quyền hoặc còn có ý kiến khác nhau, cơ quan, đơn vị chủ trì báo cáo lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực chuyên môn xem xét, quyết định.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Quy chế; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất lãnh đạo Bộ xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết./.

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐANG TRIỂN KHAI TẠI BỘ XÂY DỰNG¹
(Kèm theo Quyết định số 1527/QĐ-BXD ngày 26/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Cơ sở dữ liệu	Cơ quan chủ quản dữ liệu	Chủ đầu tư	Thủ trưởng chỉ đạo ²
1.	Cơ sở dữ liệu cấp nước sạch và thoát nước đô thị	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng	Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng	Thủ trưởng Nguyễn Tường Văn
2.	Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường hàng không	Cục Hàng không Việt Nam	Cục Hàng không Việt Nam	Thủ trưởng Lê Anh Tuấn
3.	Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt	Cục Đường sắt Việt Nam	Cục Đường sắt Việt Nam	Thủ trưởng Nguyễn Danh Huy
4.	Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ	Cục Đường bộ Việt Nam	Cục Đường bộ Việt Nam	Thủ trưởng Lê Anh Tuấn
5.	Cơ sở dữ liệu tàu biển, thuyền viên lĩnh vực hàng hải	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Thủ trưởng Nguyễn Xuân Sang
6.	Cơ sở dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	Thủ trưởng Bùi Xuân Dũng
7.	Cơ sở dữ liệu về phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Cục Phát triển đô thị	Thủ trưởng Nguyễn Tường Văn
8.	Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Cục Đăng kiểm Việt Nam	Thủ trưởng Nguyễn Xuân Sang
9.	Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản	Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Trung tâm Công nghệ thông tin	Thủ trưởng Nguyễn Văn Sinh
10.	Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng	Đầu mối: Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng; Vụ Quy hoạch – Kiến trúc chủ quản dữ liệu lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn	Trung tâm Công nghệ thông tin	- Thủ trưởng Bùi Xuân Dũng chỉ đạo chung - Thủ trưởng Nguyễn Tường Văn chỉ đạo lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn

¹ Các CSDL được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Các CSDL khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, bao gồm cả CSDL được xây dựng, hình thành sau thời điểm Quy chế có hiệu lực, thuộc phạm vi áp dụng và thực hiện theo Quy chế này.

² Trường hợp Bộ trưởng điều chỉnh phân công lĩnh vực phụ trách của các Thủ trưởng, Thủ trưởng chỉ đạo cơ sở dữ liệu sẽ điều chỉnh theo Quyết định phân công của Bộ trưởng.